

AN SINH XÃ HỘI VÀ NGHÈO ĐỐI ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN, PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ (Trường hợp người Khmer Nam bộ)

NGÔ VĂN LỆ^(*)

1. Đồng bằng sông Cửu Long là đồng bằng rộng lớn, ngoài người Việt, người Khmer, người Hoa, người Chăm là những cư dân cư trú lâu đời, còn có nhiều thành phần tộc người sinh sống. Những cộng đồng tộc người này có mặt tại đồng bằng sông Cửu Long vào các thời điểm khác nhau, nhưng lại cùng nhau cộng cư, khai hoang lập làng. Trải qua hàng mấy trăm năm, các cộng đồng cư dân nơi đây, một mặt vừa kế thừa những giá trị văn hóa truyền thống của mình, mặt khác đã sáng tạo những giá trị văn hóa mới, hình thành nơi đây một vùng văn hóa. Hiện nay, khi nước ta thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hướng tới mục tiêu “dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng văn minh”, thì ở đồng bằng sông Cửu Long, để phát triển và phát triển bền vững, bên cạnh những vấn đề chung của cả nước còn có những khó khăn của một vùng, nơi có nhiều tộc người sinh sống. Trong tất cả các vấn đề có tính khu biệt của một vùng, thì vấn đề nghèo đói là một thách thức cần được quan tâm đúng mức.

Trong những năm qua, chúng tôi đã tham gia thực hiện các dự án, các đề tài

nghiên cứu khoa học nghiên cứu về văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo và vấn đề giảm nghèo ở các vùng sâu, vùng xa - nơi các tộc người thiểu số sinh sống. Chúng tôi cũng đã có những bài viết đề cập đến những đặc điểm lịch sử và xã hội ảnh hưởng đến phát triển nguồn nhân lực và phát triển bền vững của các tộc người thiểu số (11, 12). Trong bài viết này, chúng tôi trình bày về mối liên hệ tương tác giữa những đặc điểm lịch sử xã hội và đói nghèo đối với phát triển và phát triển bền vững ở các tộc người thiểu số, mà ở đây là người Khmer Nam bộ.

2. Do nhiều nguyên nhân lịch sử cũng như do quá trình di cư diễn ra lâu dài, phần lớn các tộc người thiểu số ở nước ta chủ yếu là cư dân nông nghiệp, nên có địa bàn cư trú ở nông thôn. Mà nông thôn, nơi các tộc người thiểu số sinh sống, lại là nông thôn miền núi, vùng sâu, vùng xa, gặp rất nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế. Vì vậy, kinh tế ở các vùng tộc người thiểu số cư trú và miền núi còn ở trình độ thấp, chậm phát triển, gặp rất nhiều khó

^(*) GS.TS., Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

khẩn trong việc hội nhập với nền kinh tế thị trường của cả nước. Muốn phát triển kinh tế, vượt ra khỏi giới hạn tự cung tự cấp của nền nông nghiệp, thì phải tổ chức sản xuất hơn mức đòi hỏi của tiêu dùng và phải có thị trường.

Quá trình phát triển nông nghiệp của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long thể hiện rất rõ hai đặc điểm. Đó là không có hiện tượng tích tụ đất đai và kinh tế hàng hóa kém phát triển. Hoạt động kinh tế của người Khmer chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu hàng ngày, sản xuất nhỏ ít có khả năng tích lũy. Trước đây, khi sản xuất chỉ hướng tới phục vụ nhu cầu của gia đình trong điều kiện thiên nhiên còn nhiều ưu đãi thì hoạt động đó đã đáp ứng được nhu cầu của đời sống cùng với tâm lý không thích mua bán kiếm lời đã ăn sâu vào tiềm thức của người nông dân Khmer. Ngày nay, khi nền kinh tế thị trường tác động sâu sắc đến các hoạt động kinh tế và đời sống xã hội thì hai đặc điểm này lại là hai hạn chế. Dịch vụ trao đổi là đòn bẩy kích thích sản xuất và kinh tế phát triển trong nền kinh tế thị trường. Nhưng việc khuyến khích dịch vụ này lại mâu thuẫn với tập quán và thói quen truyền thống của hầu hết các tộc người thiểu số, trong đó có người Khmer Nam bộ.

Các tổ chức, ngân hàng trong nước và quốc tế đã có nhiều cố gắng trong việc triển khai dịch vụ tín dụng nhỏ, cho đồng bào các tộc người thiểu số vay vốn với lãi suất thấp để phát triển sản xuất. Nhưng qua khảo sát của chúng tôi khi thực hiện Dự án hợp tác Việt Nam - Canada “Giảm nghèo tại các địa phương ở Việt Nam: Xây dựng năng lực đánh giá chính sách và lập dự án” được triển khai từ năm 1998 đến năm 2003, cho

thấy hiệu quả sử dụng đồng vốn vay với lãi suất ưu đãi không đạt được hiệu quả như mong muốn. Phần lớn các trường hợp vay vốn sản xuất không hiệu quả. Có nhiều trường hợp vay vốn không biết để làm gì, hoặc khi nhận được vốn lại mang trả lại ngân hàng vì sợ tiêu rồi không có tiền để trả nợ, cũng không ít những trường hợp cho tiền vào ống, không dám sử dụng. Tình trạng ngân hàng không thu hồi được vốn là khá phổ biến. Sở dĩ có tình trạng này là do không phải người dân cố tình không thanh toán công nợ, mà là do người dân không biết sử dụng hoặc chưa đủ khả năng sử dụng vốn. Trong những nghiên cứu gần đây lại cho chúng ta một góc nhìn khác, các hộ Khmer nghèo vay tiền ưu đãi, nhưng do đầu tư kém hiệu quả dẫn đến làm ăn thua lỗ, không có khả năng trả nợ ngân hàng nên đã trở thành những “con nợ khó đòi” (4).

Phân phối tài sản còn mang nặng tính bình quân chủ nghĩa. Nhìn từ góc độ này cho thấy, rõ ràng, kinh tế chậm phát triển có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển nguồn nhân lực ở các tộc người thiểu số. Mặt khác, các tộc người thiểu số ở nước ta còn bảo lưu nhiều yếu tố của xã hội tiền giai cấp. Vai trò của cộng đồng làng, bản, buôn, plây, phum, sóc như là đơn vị xã hội cơ bản còn đậm nét, chi phối đến đời sống mọi mặt của người dân. Trong mỗi làng bản đó, tuy những quy định của luật pháp đã có ảnh hưởng đến người dân, nhưng về căn bản người dân sống bình đẳng với nhau trên cơ sở tuân thủ luật tục truyền thống dưới sự điều hành của những người già làng, trưởng họ hay thầy cúng trong làng.

Ở tộc người Khmer, các chức sắc tôn giáo có ảnh hưởng rất lớn đối với cộng

đồng. Giữa người và người là quan hệ đoàn kết, tương thân tương ái, mang tính cộng đồng cao. Sống trong một môi trường như vậy, tạo nên mối quan hệ gắn kết với cộng đồng, người dân sống chết với cộng đồng, không muốn xa rời cộng đồng. Do vậy, người dân không thể rời bỏ cộng đồng trong một khoảng thời gian nhất định, để tham gia các khóa học nâng cao năng lực. Như vậy, nếu trong xã hội truyền thống, những giá trị văn hóa của các tộc người thiểu số đã có một vị trí quan trọng trong cố kết cộng đồng, thì trong xã hội hiện đại lại là một lực cản làm hạn chế phát triển nguồn nhân lực ở các tộc người thiểu số.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây do không có đất đai để canh tác, làm ăn thua lỗ, đầu tư không hiệu quả, nợ nần nhiều, hay thiếu việc làm ở nông thôn, nên có một bộ phận người Khmer đã rời bỏ địa phương đi làm ăn ở nơi khác. Theo đánh giá của lãnh đạo địa phương, hiện nay có khoảng 60-70% số hộ gia đình ở địa phương có người đi làm ăn xa (4). Nguyên nhân của di cư lao động là thiếu diện tích đất canh tác, nhưng lại áp dụng các loại máy móc, làm cho nhu cầu lao động không như trước, phí tiền mặt tăng. Ngoài ra, do người Khmer có trình độ học vấn thấp, phần lớn chưa qua đào tạo nên cuộc sống bấp bênh (6). Không có việc làm ổn định thể hiện sự bất ổn trong sinh kế của người dân.

Bên cạnh đó, tình trạng nghèo đói ở các tộc người thiểu số chưa được giải quyết một cách căn cơ và có hiệu quả cũng ảnh hưởng rất lớn đến phát triển nguồn nhân lực ở các tộc người bản địa (tại chỗ) ở nước ta. Số dân ở các tộc người thiểu số thường chiếm một tỷ lệ

nhỏ so với tộc người đa số, nhưng lại chiếm tỷ lệ nghèo đói cao. Việc giải quyết nghèo đói ở các tộc người thiểu số là một quá trình, lâu dài và khó khăn, không chỉ đối với những nước đang phát triển, mà cả những nước phát triển.

3. Ở nước ta việc điều tra xác định hộ nghèo đói được triển khai từ năm 1993 với sự tham gia của nhiều tổ chức khác nhau (5). Chúng tôi, trên cơ sở triển khai đề tài ở tỉnh Sóc Trăng, nơi có ba tộc người cư trú, có thể nêu lên một số vấn đề về tương quan giữa đói nghèo và phát triển nhân lực. Theo điều tra tình hình đời sống của người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng vào năm 1993 cho thấy, số hộ khá chiếm 10,17%, hộ trung bình chiếm 22,35% và hộ nghèo là 67,48%. Ở hai huyện nghèo nhất tỉnh là Long Phú và Mỹ Tú, hộ nghèo chiếm tới 72,02% và 72,65%. Như vậy, hơn 2/3 số hộ Khmer rơi vào cảnh nghèo đói (7, 10). Vào năm 1994 tỉnh Sóc Trăng tiến hành điều tra 61.292 hộ người Khmer cũng cho thấy, ở các huyện nghèo của tỉnh số hộ Khmer thuộc diện nghèo đói vẫn chiếm một tỷ lệ cao (theo đó huyện Thạnh Trị số hộ Khmer thuộc diện nghèo đói chiếm 78,18%, huyện Mỹ Tú là 75, 84%) (7, 10). Điều tra hộ nghèo đói ở các tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long cũng cho những kết quả tương tự, nơi nào có tỷ trọng cư dân tộc người thiểu số cư trú cao, thì nơi đó tỷ lệ hộ nghèo đói cũng cao (7, 10).

Giữa nghèo đói và phát triển ở các tộc người thiểu số có mối liên hệ như thế nào? Có thể nói, để phát triển đòi hỏi phải nâng cao dân trí. Xóa đói giảm nghèo và phát triển giáo dục phụ thuộc vào các chiều kích khác nhau, nhưng có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau,

trong đó học vấn là một biến độc lập trong tương quan với vấn đề nghèo đói. Một khi giải quyết được vấn đề nghèo đói và nâng cao dân trí lại chính là góp phần vào việc phát triển nguồn nhân lực ở các tộc người thiểu số. Những kết quả nghiên cứu của các tổ chức quốc tế như OXFAM, Ngân hàng Thế giới chỉ ra rằng, mức độ giáo dục liên quan chặt chẽ với nghèo đói. Số năm đi học trung bình của 20% hộ gia đình nghèo nhất chỉ bằng một nửa của 20% hộ giàu nhất. Có một khoảng cách đáng kể về tỷ lệ biết chữ giữa hai nhóm đỉnh và đáy của tháp phân tầng. Kết quả nghiên cứu đó cũng cho thấy, tỷ lệ nghèo đói sẽ giảm xuống khi trình độ học vấn tăng. Có tới 90% số người nghèo đói là những người chỉ có trình độ phổ thông cơ sở hoặc thấp hơn. Ngược lại rất hiếm những người có trình độ đại học lại thuộc diện nghèo (7, 10).

Ở Việt Nam cũng có tình trạng tương tự. Người Khmer có khoảng hơn một triệu người, sinh sống ở hầu hết các tỉnh thành Nam bộ, nhưng tập trung đông đảo ở Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang. Ở Sóc Trăng người Khmer chiếm gần 30% dân số cả tỉnh. Người Khmer chiếm trên 50% dân số của 33 xã thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Điều tra các hộ nghèo trong những năm 1992, 1994 và 1998, theo thời gian số hộ đói nghèo có giảm (theo thứ tự 67,48%; 64,10% và 33,10%), nhưng vẫn ở mức trên 30%. Trong ba tộc người sinh sống ở Sóc Trăng, thì người Khmer có tỷ lệ hộ đói nghèo cao hơn người Việt và người Hoa (14). Tại Trà Vinh trong những năm qua với sự nỗ lực của các cấp, các ngành, tỷ lệ nghèo đói ở người Khmer có giảm, nhưng nhìn chung tỷ lệ nghèo đói vẫn ở

mức cao so với các cộng đồng cư dân khác cư trú tại một địa phương. Tại huyện Trà Ôn (Vĩnh Long), người Khmer chiếm 5,63% dân số toàn huyện, nhưng số người nghèo đói lại chiếm tới 61,7% tổng số hộ Khmer, cao gấp 4 lần so với tỷ lệ hộ nghèo của huyện (15,26%) và cao gấp 5 lần tỷ lệ hộ nghèo chung của tỉnh (14). Ở huyện Cầu Ngang, nơi người Khmer chiếm 35% dân số toàn huyện, tình hình cũng có nét tương tự. “Toàn huyện có 22,9% hộ nghèo mà trong đó tỷ lệ hộ nghèo trong cộng đồng người Khmer cao hơn rất nhiều so với người Việt” (4). Ở tỉnh An Giang, tỷ lệ nghèo đói của người Khmer cũng khá cao. Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ở hai huyện Tri Tôn và Tịnh Biên, nơi có đông người Khmer sinh sống hộ nghèo chiếm tới 50% số hộ trong các xã (11, 12). Theo thống kê năm 1989, tỷ lệ mù chữ ở người Khmer là 48,78%, trong khi đó người Mường là 15,10%, người Việt là 13,38%, người Hoa là 16,40% và người Nùng là 23,80%. Ở các xã ven biển thuộc huyện Vĩnh Châu, tỷ lệ này còn cao hơn nhiều (64%). Như là một nghịch lý, người Khmer cư trú ở đồng bằng, mà tỷ lệ người mù chữ lại cao hơn một số tộc người cư trú ở miền núi. Tỷ lệ số người đi học chỉ chiếm 12,30%. Những người có trình độ trung cấp đến đại học ở người Khmer chỉ có 0,18% so với dân số, trong khi đó ở người Việt là 1,31% (7).

Các nghiên cứu gần đây về tình hình giáo dục tại Trà Vinh cho thấy, hầu như không có sự chuyển biến đáng kể. Tại huyện Trà Ôn có tới 88% số hộ được phỏng vấn trả lời có con đang đi học, nhưng dang dở (14). Các hộ nghèo đói ở người Khmer có trình độ học vấn thấp. Phần đông những người trên 40

tuổi trở lên là mù chữ hoặc chỉ biết viết cho đến tốt nghiệp tiểu học. Những nghiên cứu của chúng tôi khi triển khai thực hiện đề tài “Nghiên cứu thực trạng kinh tế-xã hội và những giải pháp xóa đói giảm nghèo ở người Khmer tỉnh Sóc Trăng” (10) cho thấy, hộ nghèo trước hết là hộ có thu nhập thấp, thiếu cả nguồn vốn, tiền bạc, tài sản, nguồn vốn xã hội, đặc biệt là bị hạn chế về nguồn vốn con người. Trình độ học vấn cao là cơ hội để người nghèo thoát nghèo. Trong khi đó trẻ em ở hộ nghèo ít được đi học hơn so với trẻ em ở hộ giàu, một phần do bố mẹ mù chữ hoặc trình độ học vấn thấp. Các hộ nghèo thường đông con, nhưng chi phí cho việc học hành lại quá lớn so với thu nhập hàng ngày của họ. Chi phí cho việc học tập càng lên cao càng tốn kém, khiến nhiều gia đình không đủ sức lo cho việc học hành của con cái. Mặt khác, người nghèo lại hay gặp rủi ro do mất mùa, ốm đau, bệnh tật, nợ nần... Khi nguồn thu nhập của gia đình bị giảm sút do những rủi ro, các gia đình buộc phải cho con nghỉ học để giảm các khoản chi phí, và việc các em nghỉ học lại có thể tham gia giúp cha mẹ kiếm thêm thu nhập. Đây là một thực tế tại các địa bàn các tỉnh miền Đông Nam bộ cũng như ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, nơi chúng tôi có dịp khảo sát.

Trình độ học vấn thấp hoặc mù chữ về lâu dài sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng di động xã hội, chuyển đổi nghề nghiệp, thay đổi vị thế xã hội và có ý chí về sự thăng tiến xã hội. Ở một khía cạnh khác, trình độ học vấn thấp hoặc mù chữ sẽ dẫn đến khó hình thành đội ngũ trí thức dân tộc và như vậy khó có thể tạo thành động lực phát triển của chính tộc người đó. Với trình độ học vấn thấp, người nghèo không có kỹ năng và

trình độ khoa học kỹ thuật, việc tiếp nhận thông tin rất hạn chế. Trong bối cảnh đó, để mưu sinh, người nghèo Khmer chủ yếu dựa vào lao động giản đơn; làm nông nghiệp, tự canh hay làm thuê (rất phổ biến). Nguồn thu từ hoạt động nông nghiệp hay làm thuê và lao động giản đơn là rất thấp, chỉ đủ tái sản xuất giản đơn và đây là lý do dẫn đến họ dễ bị tổn thương khi gặp rủi ro.

Ở nông thôn Khmer cũng như ở những tộc người khác, những người tham gia hoạt động phi nông nghiệp cần có vốn, kiến thức, trình độ khoa học kỹ thuật có thu nhập cao hơn rất nhiều so với lao động nông nghiệp (Một nghiên cứu ở xã Khánh Hậu, Long An cho thấy, xã từ chỗ có 17% người không có đất, nhưng do thay đổi cơ cấu kinh tế số hộ không có đất tăng lên 36%, thu nhập ở đây cao hơn mức thu nhập bình quân của tỉnh là 3 lần, cao hơn mức thu nhập chung của đồng bằng sông Cửu Long là 5 lần). Nhưng đối với những người học vấn thấp lại không có cơ hội để chuyển đổi nghề nghiệp.

Rõ ràng những người nghèo rơi vào một vòng luẩn quẩn nghèo đói không có điều kiện để học hành, không nâng cao năng lực cạnh tranh. Người nghèo không có điều kiện đi học, không có kỹ thuật, tay nghề làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, lao động chân tay hoặc đi làm thuê, thu nhập thấp, nhiều rủi ro sẽ lại dẫn đến nghèo đói.

Trình độ học vấn thấp cũng lại là rào cản lớn cho người nghèo tiếp nhận thông tin, kiến thức, mở rộng mạng lưới quan hệ xã hội. Ít giao tiếp với bên ngoài, trình độ tiếng Việt kém, hạn chế khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt làm cho người nghèo bị cô lập trong cộng

đồng. Không giao tiếp với bên ngoài, với người Việt để trao đổi học hỏi, sẽ làm thu hẹp mạng lưới xã hội của người Khmer. Cũng do học vấn thấp nên người nghèo gặp khó khăn khi tiếp cận thông tin qua sách vở, báo chí, phát thanh, truyền hình,... để có thể nâng cao kiến thức về chính sách, về thị trường, giá cả, tín dụng, áp dụng những tiến bộ khoa học, kỹ thuật. Tất cả những điều đó cùng với tâm lý tộc người, dẫn đến việc họ ngại tham gia các cuộc hội họp, tập huấn áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, từ đó cũng dẫn tới việc họ không tận dụng được cơ hội từ sự giúp đỡ của cộng đồng để thoát khỏi đói nghèo.

Mặt khác, cũng vì mù chữ và học vấn thấp, người nghèo thường dựa vào các tổ chức phi chính thức như họ hàng, bà con, người cho vay lãi rồi mới đến nhà chùa, các tổ chức chính trị xã hội khác như Hội phụ nữ, Hội nông dân... Đường như người nghèo ít có cơ hội tiếp xúc với mạng lưới chính thức từ phía Nhà nước, và do vậy họ cũng ít được hưởng lợi từ sự hỗ trợ của mạng lưới chính thức hơn. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quỹ xóa đói giảm nghèo chủ yếu giành cho người nghèo vay vốn, nhưng trong các đợt đi thực tế tại các địa phương của chúng tôi, lại có một nghịch lý là người giàu vay vốn từ các quỹ này nhiều hơn.

Tại sao lại như vậy? Bởi vì người nghèo ít có cơ hội tiếp xúc với chính quyền địa phương, cũng như không am hiểu chủ trương chính sách, vì không biết chữ, họ không biết thủ tục vay mượn vốn phải làm như thế nào, thanh toán, thế chấp như thế nào. Mà những quy định cũng như các thủ tục này lại phức tạp, không dễ dàng gì với họ.

Như vậy, ở các tộc người thiểu số, mà ở đây là người Khmer, có thể thấy học vấn thấp song hành với tình trạng nghèo đói. Để xóa đói giảm nghèo, phát triển và phát triển bền vững, việc nâng cao dân trí và trình độ học vấn có thể nói là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển. Trình độ học vấn thấp có thể là nguyên nhân của nhiều vấn đề kinh tế xã hội, mà trước nhất là vấn đề xóa đói giảm nghèo của người Khmer cũng như của các tộc người thiểu số sinh sống trên lãnh thổ nước ta, trên con đường phát triển. Nâng cao trình độ văn hóa của người Khmer nói riêng và của các tộc người thiểu số nói chung là bước đột phá quan trọng giúp họ nắm bắt các cơ hội tạo thu nhập, cải thiện cuộc sống và từ đó họ mới có cơ hội tốt hơn để tiếp cận phúc lợi xã hội, quan trọng hàng đầu là giáo dục. Đây cũng là nhân tố quan trọng trong việc phát triển và phát triển bền vững ở các tộc người thiểu số.

Để phát triển và phát triển bền vững, đòi hỏi phải phát triển nguồn nhân lực, mà nguồn nhân lực của một quốc gia hay của một tộc người là tổng hợp những tiềm năng lao động, trí lực và tâm lực của một bộ phận dân số có thể tham gia vào các hoạt động kinh tế xã hội. Phát triển nguồn nhân lực ở các tộc người thiểu số ở nước ta cần một cách tiếp cận toàn diện hơn và có những giải pháp hiệu quả hơn.

4. Văn hóa của các tộc người thiểu số ở nước ta là sự kế thừa những giá trị truyền thống của các tộc người trong quá trình cộng cư, giao lưu và tiếp biến văn hóa trên lãnh thổ nước ta trải qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước. Những giá trị văn hóa truyền thống đó đã góp phần làm phong phú những giá

trị văn hóa Việt Nam, tạo nên sức mạnh để cho dân tộc Việt Nam vượt qua những thử thách lớn lao trong đấu tranh chống kẻ thù xâm lược cũng như trong xây dựng hòa bình. Trải qua thời gian, những giá trị của văn hóa cũng có những thay đổi. Có những giá trị ở giai đoạn lịch sử trước được đề cao, thì ở giai đoạn sau có thể không còn phù hợp nữa, trở thành lực cản của phát triển.

Ở các tộc người thiểu số Việt Nam cũng có một tình hình tương tự. Để có thể phát triển và phát triển bền vững đòi hỏi phải hội nhập. Muốn hội nhập phải nâng cao dân trí, nâng cao nhân lực có đào tạo của chính tộc người đó. Mà muốn làm được điều đó thì phải giải quyết một cách căn bản tình trạng nghèo đói. Giữa nghèo đói và phát triển có mối liên hệ với nhau. Không giải quyết được nghèo đói khó có thể tạo nên động lực để phát triển, nói chi đến phát triển bền vững. Tuy nhiên, những di sản và hạn chế của lịch sử phát triển của một tộc người cần phải nhận thức một cách khoa học, mới có thể tìm ra các giải pháp để khắc phục.

Chúng tôi cho rằng, như là một quy luật của sự phát triển, những biến đổi của văn hóa xã hội thường chậm hơn so với những biến đổi kinh tế. Khoa học kỹ thuật phát triển mạnh mẽ sau Chiến tranh thế giới lần thứ II, những tiến bộ khoa học kỹ thuật ngày càng có vai trò trong đời sống, việc áp dụng các tiến bộ khoa học vào sản xuất làm năng suất giống cây trồng, vật nuôi tăng, nhưng chưa hẳn đã làm thay đổi văn hóa xã hội. Cho đến nay, do hoạt động kinh tế nông nghiệp vẫn là hoạt động kinh tế chính, nên địa bàn sinh sống chủ yếu của người Khmer là địa bàn nông thôn

(trên 90%)*, quá trình đô thị hóa ở đồng bằng sông Cửu Long diễn ra chậm, nên quá trình này ít tác động đến đời sống của cộng đồng cư dân vùng này, trong đó có người Khmer, trong khi những yếu tố văn hóa truyền thống vẫn có ảnh hưởng trong đời sống cư dân. Mặt khác, trình độ dân trí nói chung và trình độ lao động qua đào tạo nói riêng ở người Khmer thấp so với nhu cầu phát triển. Đây lại là rào cản, là khó khăn để phát triển và phát triển bền vững của người Khmer Nam bộ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan An. Hệ thống xã hội tộc người của người Stiêng ở Việt Nam. Tp. Hồ Chí Minh: Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2007.
2. Nguyễn Duy Bính. Hôn nhân và gia đình của người Hoa ở Nam bộ. Tp. Hồ Chí Minh: Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2005.
3. Nguyễn Khắc Cảnh. Phum, sóc Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long. H.: Giáo dục, 1998.
4. Phạm Thanh Duy. Tác động của các chương trình xóa đói giảm nghèo đang được thực hiện ở cộng đồng người Khmer tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Tham luận tại Hội thảo khoa học: Cộng đồng dân tộc Khmer trong quá trình phát triển và hội nhập. Tp. Hồ Chí Minh: 2011.
5. Bùi Minh Đạo. Một số vấn đề giảm nghèo ở các dân tộc thiểu số Việt Nam. H.: Khoa học xã hội, 2003.

(*) Theo điều tra dân số ngày 1/4/2009, dân số Khmer là 1.260.640 người, trong đó 1.063.364 người sinh sống ở nông thôn, chỉ có 102.102 người sinh sống tại các đô thị.

6. Ngô Thị Phương Lan. Bất ổn sinh kế và di cư lao động của người Khmer. Tham luận tại Hội thảo khoa học: Cộng đồng dân tộc Khmer trong quá trình phát triển và hội nhập. Tp. Hồ Chí Minh: 2011.
7. Ngô Văn Lệ. Thực trạng kinh tế - xã hội và những giải pháp xóa đói giảm nghèo ở người Khmer tỉnh Sóc Trăng. Tp. Hồ Chí Minh: Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2003.
8. Ngô Văn Lệ. Tộc người và văn hóa tộc người. Tp. Hồ Chí Minh: Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2004.
9. Ngô Văn Lệ (Chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh). Di dân tự do ở Bình Phước, thực trạng và giải pháp. Tp. Hồ Chí Minh: 2005.
10. Ngô Văn Lệ (Chủ nhiệm đề tài nghiên cứu cấp Đại học Quốc gia). Nghiên cứu thực trạng kinh tế-xã hội và những giải pháp xóa đói giảm nghèo ở người Khmer tỉnh Sóc Trăng. Tp. Hồ Chí Minh: 2003.
11. Ngô Văn Lệ. Đặc điểm lịch sử xã hội di sản và ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của các tộc người thiểu số (Trường hợp người Khmer), trong sách Quan hệ tộc người và phát triển xã hội ở Việt Nam. Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2011.
12. Ngô Văn Lệ. Những đặc điểm văn hóa xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển của người Khmer trong bối cảnh hội nhập. Tham luận tại Hội thảo khoa học: Cộng đồng dân tộc Khmer trong quá trình phát triển và hội nhập. Tp. Hồ Chí Minh: 2011.
13. Nhiều tác giả. Phát triển giáo dục vùng dân tộc Khmer Nam bộ. Tp. Hồ Chí Minh: Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2003.
14. Nguyễn Văn Tiệp, Trần Thị Mỹ Xuân. Thực trạng và nguyên nhân nghèo đói của nông dân Khmer (Trường hợp xã Tân Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long). Tham luận tại Hội thảo khoa học: Cộng đồng dân tộc Khmer trong quá trình phát triển và hội nhập. Tp. Hồ Chí Minh: 2011.
15. Nguyễn Tuấn Triết. Tây Nguyên những chặng đường lịch sử-văn hóa. H.: Khoa học xã hội, 2007.